HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 55/2025/NQ-HĐND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ đối với công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy, quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy; chính sách hỗ trợ đối với người lao động làm việc tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập do Công an Thành phố Hồ Chí Minh quản lý và các cơ sở cai nghiện ma túy của Công an tỉnh Đồng Nai, Công an tỉnh Lâm Đồng được Bộ Công an quy định tiếp nhận người cai nghiện từ Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 56/2024/QH14;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 227/2025/QH15 về Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 105/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy;

Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa

đổi, bổ sung theo Nghị định 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn, thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 184/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định của Chính phủ trong lĩnh vực an ninh, trật tự;

Căn cứ Thông tư số 62/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;

Xét Tờ trình số 763/TTr-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chính sách hỗ trợ đối với công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy, quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy; chính sách hỗ trợ đối với người lao động làm việc tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập do Công an Thành phố Hồ Chí Minh quản lý và các cơ sở cai nghiện ma túy của Công an tỉnh Đồng Nai, Công an tỉnh Lâm Đồng được Bộ Công an quy định tiếp nhận người cai nghiện từ Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 761/BC-BPC ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy, quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy; chính sách hỗ trợ đối với người lao động làm việc tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập do Công an Thành phố Hồ Chí Minh quản lý và các cơ sở cai nghiện ma túy của Công an tỉnh Đồng Nai, Công an tỉnh Lâm Đồng được Bộ Công an quy định tiếp nhận người cai nghiện từ Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ đối với công tác cai nghiện ma túy, quản lý sau cai nghiện ma túy, quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy; chính sách hỗ trợ đối với người lao động làm việc tại các cơ sở cai nghiện ma túy

công lập do Công an Thành phố Hồ Chí Minh quản lý và các cơ sở cai nghiện ma túy của Công an tỉnh Đồng Nai, Công an tỉnh Lâm Đồng được Bộ Công an quy định tiếp nhận người cai nghiện từ Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người cai nghiện ma túy bắt buộc; người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, tại gia đình, cộng đồng; người nghiện ma túy trong thời gian chờ lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; người sử dụng trái phép chất ma túy đang bị tạm giữ theo thủ tục hành chính để xác định tình trạng nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập và cơ sở y tế công lập đủ điều kiện xác định tình trạng nghiện; người sử dụng trái phép chất ma túy và người bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại cộng đồng.

2. Người lao động làm việc tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập; người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý xã hội, quản lý, hỗ trợ đối với người cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy, người sử dụng trái phép chất ma túy tại cấp xã; người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được phân công trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục tại cấp xã theo quy định tại Nghị định số 120/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ; thành viên tham gia các phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Các cơ sở y tế công lập đủ điều kiện xác định tình trạng nghiện của Thành phố Hồ Chí Minh; các cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

4. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện các chính sách quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Hỗ trợ đúng đối tượng, đúng mục đích, công khai, minh bạch, đảm bảo hiệu quả.

2. Trường hợp một đối tượng tại cùng một thời điểm đủ điều kiện hưởng nhiều chính sách hỗ trợ có cùng tính chất quy định tại Nghị quyết này và các văn bản quy phạm pháp luật khác thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất.

Điều 4. Mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc; người sử dụng trái phép chất ma túy bị tạm giữ theo thủ tục hành chính để xác định tình trạng nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập; người nghiện ma túy trong thời gian chờ lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai

nghiện bắt buộc; người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện đúng quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Các nội dung, mức chi không quy định tại Phụ lục theo khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài chính và Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế khác.

Điều 5. Chính sách hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập

1. Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập

a) Hỗ trợ chi phí khám sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ và theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế để quyết định chế độ cai nghiện ma túy: mức hỗ trợ 100%, thanh toán theo chi phí thực tế phát sinh và hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập.

b) Hỗ trợ chi phí thuốc chữa bệnh thông thường, phòng, chống lây nhiễm HIV/AIDS, các bệnh truyền nhiễm và phòng, chống dịch bệnh cho người cai nghiện bị ốm được điều trị tại các cơ sở cai nghiện: mức chi theo chi phí thực tế phát sinh và hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

c) Hỗ trợ tiền ăn hằng tháng của người cai nghiện bằng 0,8 mức lương cơ sở hiện hành; ngày Lễ, tết Dương lịch người cai nghiện được ăn thêm không quá 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày tết Nguyên đán người cai nghiện được ăn thêm không quá 05 lần tiêu chuẩn ngày thường; chế độ ăn đối với người cai nghiện bị ốm do Trưởng cơ sở cai nghiện quyết định theo chỉ định của nhân viên y tế điều trị, nhưng không thấp hơn 03 lần tiêu chuẩn ngày thường.

d) Hỗ trợ chi phí điều trị đối với người cai nghiện bị ốm nặng vượt quá khả năng điều trị của cơ sở cai nghiện được đưa đến bệnh viện điều trị: Trường hợp người cai nghiện có bảo hiểm y tế thì kinh phí khám, chữa bệnh cho người cai nghiện do bảo hiểm y tế chi trả theo quy định. Trường hợp người cai nghiện không có bảo hiểm y tế thì kinh phí khám, chữa bệnh cho người cai nghiện do ngân sách Nhà nước đảm bảo,

thanh toán theo chi phí thực tế phát sinh và hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

đ) Hỗ trợ chi phí đưa, đón người cai nghiện trong trường hợp bị ốm nặng vượt quá khả năng điều trị của cơ sở cai nghiện được đưa đến bệnh viện điều trị: Hỗ trợ tiền tàu xe hoặc thuê phương tiện vận chuyển đưa, đón người cai nghiện, mức chi theo giá phương tiện công cộng phổ thông áp dụng tại địa phương.

e) Hỗ trợ tiền chăn, màn, chiếu gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh đối với nữ: mức chi theo chi phí thực tế phát sinh và hóa đơn, chứng từ hợp pháp, nhưng tối đa không vượt 0,9 lần mức lương cơ sở hiện hành/năm đối với người nghiện nam và 1,4 lần mức lương lương cơ sở hiện hành/năm đối với người nghiện nữ.

g) Hỗ trợ học văn hóa: mức chi theo chi phí thực tế phát sinh và hóa đơn, chứng từ hợp pháp; nội dung chi theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài chính.

h) Hỗ trợ một lần học nghề đối với người cai nghiện chưa có nghề hoặc có nghề nhưng không phù hợp, có nhu cầu học nghề trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng (không hỗ trợ đối với trường hợp cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập từ lần thứ hai trở lên đã được học nghề); thanh toán theo chi phí thực tế phát sinh và hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

i) Hỗ trợ chi phí mai táng đối với trường hợp chết trong thời gian cai nghiện tại cơ sở mà không có thân nhân hoặc thân nhân không đến nhận trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đối tượng chết: mức hỗ trợ tối thiểu bằng 20 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, thanh toán theo chi phí thực tế phát sinh và hóa đơn chứng từ hợp pháp.

k) Hỗ trợ chi phí khám sức khỏe định kỳ 06 tháng/lần: mức chi theo giá với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập, thanh toán theo chi phí thực tế phát sinh và hóa đơn chứng từ hợp pháp.

l) Hỗ trợ tiền điện, nước sinh hoạt: mức chi theo thực tế phát sinh và hóa đơn, chứng từ hợp pháp, nhưng tối đa không vượt mức 120.000 đồng/người/tháng.

m) Hỗ trợ chi phí tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, đọc sách, báo, xem truyền hình và các hoạt động vui chơi giải trí khác ngoài thời gian học tập và lao động: thanh toán theo chi phí thực tế phát sinh và hóa đơn chứng từ hợp pháp, không vượt mức 100.000 đồng/người/năm.

n) Hỗ trợ người đi cai nghiện tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập và người cai nghiện chấp hành xong thời gian cai nghiện trở về địa phương nơi cư trú: mức hỗ trợ tiền ăn trong những ngày đi đường là 70.000 đồng/người/ngày, tối đa không quá 03 ngày.

o) Hỗ trợ tiền tàu xe người cai nghiện chấp hành xong thời gian cai nghiện trở về địa phương nơi cư trú: theo giá phương tiện công cộng phổ thông.

p) Hỗ trợ quần, áo người cai nghiện chấp hành xong thời gian cai nghiện trở về địa phương nơi cư trú (nếu họ không có): 01 bộ, thanh toán theo chi phí thực tế phát sinh và hóa đơn, chứng từ hợp pháp, nhưng không vượt mức 300.000 đồng/người.

q) Hỗ trợ chỗ ở miễn phí tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

2. Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, tại cộng đồng có nhu cầu thực hiện cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập của Thành phố Hồ Chí Minh

Hỗ trợ 01 (một) lần kinh phí cai nghiện đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi hoàn thành ít nhất 03 (ba) giai đoạn theo quy định tại Điều 22, Điều 23 và Điều 24 của Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ: thanh toán theo chi phí thực tế phát sinh và hóa đơn, chứng từ hợp pháp, nhưng không quá 3,5 lần mức lương cơ sở hiện hành.

Điều 6. Chính sách hỗ trợ đối với người sử dụng trái phép chất ma túy đang bị tạm giữ theo thủ tục hành chính để xác định tình trạng nghiện ma túy tại các cơ sở y tế công lập đủ điều kiện xác định tình trạng nghiện; công tác quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy

1. Người sử dụng trái phép chất ma túy đang bị tạm giữ theo thủ tục hành chính để xác định tình trạng nghiện ma túy tại các cơ sở y tế công lập đủ điều kiện xác định tình trạng nghiện

a) Hỗ trợ tiền ăn hằng ngày là 0,027 lần mức lương cơ sở hiện hành. Mức hỗ trợ tiền ăn thêm trong Ngày Lễ, tết Dương lịch (nếu có) không quá 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; mức hỗ trợ tiền ăn thêm các ngày tết Nguyên đán (nếu có) không quá 05 lần tiêu chuẩn ngày thường; chế độ ăn trong những ngày bị ốm theo chỉ định của nhân viên y tế điều trị, nhưng không thấp hơn 03 lần tiêu chuẩn ngày thường.

b) Hỗ trợ tiền điện, nước sinh hoạt: mức chi theo thực tế phát sinh và hóa đơn, chứng từ hợp pháp, nhưng tối đa không vượt mức 100.000 đồng/người/tháng.

c) Hỗ trợ tiền chăn, màn, chiếu gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng

vệ sinh đối với nữ: mức chi theo chi phí thực tế phát sinh và hóa đơn, chứng từ hợp pháp, nhưng tối đa không vượt mức 700.000 đồng/người/lần.

d) Hỗ trợ tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần và điều trị các bệnh cơ hội khác (nếu có) theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế: mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập.

2. Người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người sử dụng trái phép chất ma túy theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Hỗ trợ người không hưởng lương từ ngân sách được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người sử dụng trái phép chất ma túy: 1.080.000 đồng/người/tháng.

b) Hỗ trợ 500.000 đồng/người/tháng với định mức 01 người được phân công giúp đỡ không quá 3 người cùng một thời điểm đối với người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được phân công trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 120/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ.

3. Hỗ trợ các phiên họp xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

a) Thành viên tham gia phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào các cơ sở cai nghiện bắt buộc; phiên họp xem xét khi có khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị về quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào các cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người từ đủ 18 tuổi trở lên: 100.000 đồng/thành viên/phiên họp.

b) Thành viên tham gia phiên họp xem xét, quyết định đưa vào các cơ sở cai nghiện bắt buộc; phiên họp xem xét khi có khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị về quyết định đưa vào các cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi: 100.000 đồng/thành viên/phiên họp.

4. Hỗ trợ lập hồ sơ quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy: 30.000 đồng/hồ sơ.

5. Hỗ trợ tổ chức xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể người sử dụng trái phép chất ma túy: căn cứ vào chứng từ hợp pháp.

Điều 7. Chính sách hỗ trợ đối với người lao động tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập

1. Hỗ trợ thu hút người lao động

a) Bác sĩ: hỗ trợ 3,0 lần mức lương cơ sở/tháng.

b) Người có trình độ đại học, cao đẳng: hỗ trợ 2,0 lần mức lương cơ sở/tháng.

c) Người có trình độ trung cấp: hỗ trợ 1,5 lần mức lương cơ sở/tháng.

d) Người lao động không có bằng cấp chuyên môn: hỗ trợ 1,0 lần mức lương cơ sở/tháng.

2. Hỗ trợ độc hại

a) Người lao động làm việc tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập (không tính những người hưởng lương từ nguồn phí dịch vụ) được hỗ trợ mức 0,3 lần mức lương cơ sở/tháng. Riêng đối với nhân viên y tế và người trực tiếp điều trị, chăm sóc, chữa trị người nghiện bị nhiễm HIV/AIDS tại các cơ sở cai nghiện thì được hưởng hỗ trợ thêm là 0,1 lần mức lương cơ sở/tháng.

b) Trường hợp phơi nhiễm nghề nghiệp (HIV, lao, bệnh truyền nhiễm…): thanh toán chi phí xét nghiệm, thuốc dự phòng theo hóa đơn trong phạm vi dự toán; đồng thời hỗ trợ một lần 15.000.000 đồng/trường hợp sau khi có biên bản xác nhận.

3. Hỗ trợ ưu đãi hằng tháng

a) Đối với người lao động chuyên môn y tế trực tiếp khám, điều trị, chăm sóc, xét nghiệm cho người nghiện ma túy bị bệnh HIV/AIDS tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập: hỗ trợ 70% lương theo bậc, ngạch và phụ cấp vượt khung (nếu có).

b) Đối với người lao động trực tiếp làm chuyên môn y tế và người trực tiếp làm các công việc trông coi, bảo vệ, vận chuyển, phục vụ người nghiện ma túy bị nhiễm HIV/AIDS tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập: hỗ trợ 40% lương theo bậc, ngạch và phụ cấp vượt khung (nếu có).

c) Đối với người lao động chuyên môn y tế và người trực tiếp phục vụ người nghiện ma túy trong quá trình điều trị cắt cơn, giải độc cho người nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập: hỗ trợ 30% lương theo bậc, ngạch và phụ cấp vượt khung (nếu có).

d) Đối với người lao động trực tiếp quản lý học viên, dạy văn hóa, giáo dục phục hồi hành vi, nhân cách và dạy nghề cho người nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập: hỗ trợ 50% lương theo bậc, ngạch và phụ cấp vượt khung (nếu có).

đ) Đối với người lao động còn lại: hỗ trợ 15% lương theo bậc, ngạch và phụ cấp vượt khung (nếu có).

4. Khi điều kiện công tác thay đổi (điều chuyển, nghỉ thai sản, nghỉ ốm dài ngày…), mức hỗ trợ được tính theo thời gian thực tế làm nhiệm vụ.

Điều 8. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 14 tháng 11 năm 2025.

Trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực, các trường hợp đã được giải quyết chính sách chế độ hỗ trợ thì hưởng chính sách hỗ trợ theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (trước sắp xếp); khi Nghị quyết này có hiệu lực thì thực hiện theo các quy định của Nghị quyết này tại thời điểm chi trả và không thực hiện truy thu hoặc chi bổ sung phần chênh lệch.

2. Các chính sách hỗ trợ được quy định tại Điều 7 Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

3. Chính sách hỗ trợ quy định tại Điều 4 Nghị quyết này được ngân sách Thành phố đảm bảo đến khi có văn bản hướng dẫn hoặc thay thế của Bộ, ngành Trung ương triển khai Nghị quyết 227/2025/QH15 của Quốc hội, Luật Phòng, chống ma túy sửa đổi.

Điều 10. Bãi bỏ một số nội dung của các Nghị quyết

1. Bãi bỏ các cụm từ "cơ sở cai nghiện ma túy" tại Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh, bổ sung một số chế độ hỗ trợ đối với công chức, viên chức, người lao động tại các cơ sở xã hội, cơ sở cai nghiện ma túy do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Lực lượng Thanh niên xung phong quản lý và Bệnh viện Nhân Ái thuộc Sở Y tế.

2. Bãi bỏ các cụm từ "cơ sở cai nghiện ma túy" tại Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về chế độ trợ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở xã hội công lập theo Nghị định số 26/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ.

3. Bãi bỏ khoản 1, khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 21/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng

7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về quy định mức trợ cấp đặc thù áp dụng đối với công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các cơ sở tư vấn và Điều trị nghiện ma túy tỉnh và mức hỗ trợ cho công chức, người lao động, cán bộ chiến sỹ làm công tác phòng chống tệ nạn ma túy trên địa bàn tỉnh.

4. Bãi bỏ khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về quy định mức trợ cấp đặc thù và chính sách hỗ trợ đối với công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người sau cai nghiện ma túy, cơ sở trợ giúp xã hội công lập, Ban quản lý nghĩa trang liệt sỹ tỉnh, tổ quản trang cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

5. Bãi bỏ điểm c khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương quy định chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

6. Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về quy định mức tiền ăn, mặc và đồ dùng sinh hoạt cá nhân cho người cai nghiện bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

7. Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về quy định chế độ hỗ trợ để áp dụng các biện pháp cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

8. Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 11 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quy định chính sách hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy và người sử dụng trái phép chất ma túy bị tạm giữ theo thủ tục hành chính để xác định tình trạng nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về quy định mức hỗ trợ người cai nghiện ma túy và người làm công tác tư vấn, quản lý đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện; người được phân công giúp đỡ người sử dụng trái phép chất ma túy, người được giáo dục tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

10. Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quy định mức thù lao hàng tháng và mức hỗ trợ đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ

các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và người bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Nghị quyết này, đảm bảo kịp thời, hiệu quả và đúng quy định của pháp luật; định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố về kết quả thực hiện.

b) Rà soát, trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị quyết này khi các văn bản quy phạm pháp luật liên quan có thay đổi.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc hực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X, Kỳ họp thứ năm thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 55/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Nội dung, mức chi		Đơn vị, địa phương được áp dụng
I	1. Mức hỗ trợ đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc công lập của Thành phố Hồ Chí Minh: a) Mức hỗ trợ đưa người cai nghiện bắt buộc chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trở về địa phương nơi cư trú (nếu họ không có): 01 bộ quần, áo, thanh toán theo chi phí thực tế phát sinh và hóa đơn chứng từ hợp pháp, tối đa không vượt mức 300.000 đồng/người. b) Mức hỗ trợ học văn hóa cho người cai nghiện bắt buộc từ 18 tuổi trở lên: Thanh toán theo chi phí thực tế phát sinh và hóa đơn, chứng từ hợp pháp; nội dung chi theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài chính. 2. Mức hỗ trợ đối với người nghiện ma túy trong thời gian chờ lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của Thành phố Hồ Chí Minh: Hỗ trợ chi phí mai táng đối với trường hợp chết tại cơ sở mà không có thân nhân hoặc thân nhân không đến nhận trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm đối tượng chết: mức hỗ trợ tối thiểu bằng 20 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, thanh toán theo chi phí thực tế phát sinh và hóa đơn, chứng từ hợp pháp. 3. Mức hỗ trợ đối với người sử dụng trái phép chất ma túy bị tạm giữ theo thủ tục hành chính để xác định tình trạng nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập của Thành phố Hồ	- Các phường: Sài Gòn, Cầu Ông Lãnh, Tân Định, Bến Thành, Nhiêu Lộc, Bàn Cờ, Xuân Hòa, Xóm Chiếu, Khánh Hội, Vĩnh Hội, Chợ Quán, Chợ Lớn, An Đông, Bình Tây, Bình Tiên, Bình Phú, Phú Lâm, Tân Sơn, Diên Hồng, Hòa Hưng, Vườn Lài, Bình Thới, Hòa Bình, Minh Phụng, Phú Thọ, Thới An, Tân Thới Hiệp, An Phú Đông, Đông Hưng Thuận, Trung Mỹ Tây, Bình Tân, Bình Trị Đông, Bình Hưng Hòa, An Lạc, Tân Tạo, Tân Phú, Phú Thọ Hòa, Phú Thạnh, Tân Sơn Nhì, Tây Thạnh, Tân Bình, Tân Sơn Nhất, Bảy Hiền, Tân Sơn Hòa, Tân Hòa, Phú Nhuận, Đức Nhuận, Cầu Kiệu, Thạnh Mỹ Tây, Bình Thạnh, Bình Lợi Trung, Bình Quới, Gia Định, Thủ Đức, Long Phước, An Khánh, Hiệp Bình, Tăng Nhơn Phú, Bình Trưng, Phước Long, Linh Xuân, Cát Lái, Long Trường, Long Bình, Tam Bình, Tân Thuận, Tân Hưng, Tân Mỹ, Phú Thuận, Chánh Hưng, Phú Thuận, Bình Đông, Gò Vấp, An Nhơn, Hạnh Thông, An Hội Đông, An Hội Tây, Thông Tây Hội;

	Nội dung, mức chi	Đơn vị, địa phương được áp dụng
	Chí Minh: a) Mức hỗ trợ tiền ăn hằng ngày là 0,027 mức lương cơ sở hiện hành. Mức hỗ trợ tiền ăn thêm trong Ngày Lễ, tết Dương lịch (nếu có) không quá 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; mức hỗ trợ tiền ăn thêm các ngày tết Nguyên đán (nếu có) không quá 05 lần tiêu chuẩn ngày thường; chế độ ăn trong những ngày bị ốm theo chỉ định của nhân viên y tế điều trị, nhưng không thấp hơn 03 lần tiêu chuẩn ngày thường. b) Mức hỗ trợ tiền điện, nước sinh hoạt: mức chi theo thực tế phát sinh và hóa đơn, chứng từ hợp pháp, nhưng tối đa không vượt mức 100.000 đồng/người/tháng. c) Mức hỗ trợ tiền chăn, màn, chiếu gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh đối với nữ: mức chi theo chi phí thực tế phát sinh và hóa đơn, chứng từ hợp pháp, nhưng tối đa không vượt mức 700.000 đồng/người/lần. d) Mức hỗ trợ tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần và điều trị các bệnh cơ hội khác (nếu có) theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế: Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập. 4. Mức hỗ trợ thù lao hằng tháng đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng tại cấp xã theo sự phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: mức chi 0,6 lần mức lương cơ sở hiện hành/người/tháng. 5. Mức hỗ trợ cho người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý hỗ trợ người bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: mức chi 0,6 lần mức lương cơ sở hiện hành/người/tháng.	- Các xã Bình Chánh, Tân Nhựt, Bình Hưng, Bình Lợi, Vĩnh Lộc, Tân Vĩnh Lộc, Hưng Long, Củ Chi, Thái Mỹ, Bình Mỹ, Phú Hòa Đông, Nhuận Đức, An Nhơn Tây, Tân An Hội, Nhà Bè, Hiệp Phước, Cần Giờ, Thạnh An, Bình Khánh, An Thới Đông, Hóc Môn, Xuân Thới Sơn, Bà Điểm, Đông Thạnh; - Các cơ sở cai nghiện ma túy số 1, 2, 3, 5 Công an Thành phố Hồ Chí Minh; - Các cơ sở cai nghiện ma túy số 2, 4 Công an tỉnh Lâm Đồng; - Các cơ sở cai nghiện ma túy số 2, 3, 4, 5, 6 Công an tỉnh Đồng Nai.

Nội dung, mức chi		Đơn vị, địa phương được áp dụng
II	1. Mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập a) Tiền ăn: mức hỗ trợ tiền ăn hằng tháng bằng 0,8 lần mức lương cơ sở. Ngày lễ, Tết dương lịch người cai nghiện được ăn thêm bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết nguyên đán người cai nghiện được ăn thêm bằng 05 lần tiêu chuẩn ngày thường; chế độ ăn đối với người cai nghiện bị ốm do Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định theo chỉ định của nhân viên y tế điều trị nhưng không quá 03 lần tiêu chuẩn ngày thường. b) Tiền trang bị quần áo và đồ dùng sinh hoạt thiết yếu (gồm: tiền chăn, màn, chiếu gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh đối với nữ) hằng năm: mức hỗ trợ bằng 0,9 lần mức lương cơ sở/người/lần. 2. Mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trở về địa phương thực hiện quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú: cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc thực hiện mua sắm quần áo với mức tối đa 400.000 đồng/bộ và cấp 01 (một) bộ/người (nếu họ không có). 3. Mức hỗ trợ đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, người bị quản lý sau cai nghiện ma túy theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: 0,6 lần mức lương cơ sở/người/tháng.	- Các phường: Bình Dương, Đông Hòa, Dĩ An, Tân Đông Hiệp, An Phú, Bình Hòa, Lái Thiêu, Thuận An, Thuận Giao, Thủ Dầu Một, Phú Lợi, Chánh Hiệp, Hòa Lợi, Thới Hòa, Phú An, Tây Nam, Long Nguyên, Bến Cát, Chánh Phú Hòa, Vĩnh Tân, Bình Cơ, Tân Uyên, Tân Hiệp, Tân Khánh; - Các xã: Thường Tân, Bắc Tân Uyên, Phú Giáo, Phước Hòa, Phước Thành, An Long, Trừ Văn Thố, Bàu Bàng, Long Hòa, Thanh An, Dầu Tiếng, Minh Thạnh; - Cơ sở cai nghiện ma túy số 4 Công an Thành phố Hồ Chí Minh.
III	1. Mức hỗ trợ tiền ăn hằng tháng của người cai nghiện ma túy bắt buộc bằng 1,0 lần mức lương cơ sở hiện hành. Ngày lễ, Tết dương lịch người cai nghiện được ăn thêm bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết nguyên đán người cai nghiện được ăn thêm bằng 05 lần tiêu chuẩn ngày thường; chế độ ăn đối với người cai nghiện bị ốm do Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định theo chỉ	- Các phường: Bà Rịa, Vũng Tàu, Tam Thắng, Rạch Dừa, Phước Thắng, Long Hương, Tam Long, Tân Hải, Tân Phước, Phú Mỹ, Tân Thành; - Các xã: Long Sơn, Châu Pha, Long Hải, Long Điền, Phước Hải, Đất Đỏ, Nghĩa

	Nội dung, mức chi	Đơn vị, địa phương được áp dụng
	định của nhân viên y tế điều trị, nhưng không thấp hơn 03 lần tiêu chuẩn ngày thường. 2. Mức hỗ trợ tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân cho người cai nghiện ma túy bắt buộc a) Định mức đối với người cai nghiện là nam: 1,0 lần mức lương cơ sở/người/năm. b) Định mức đối với người cai nghiện là nữ: 1,5 lần mức lương cơ sở/người/năm. 3. Mức hỗ trợ tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, đọc sách, báo, xem truyền hình và các hoạt động vui chơi giải trí khác ngoài thời gian học tập và lao động: 150.000 đồng/người/năm. 4. Mức hỗ trợ tiền ăn, tiền tàu xe và cấp quần áo (nếu họ không có) cho người cai nghiện bắt buộc chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc về địa phương nơi cư trú a) Tiền ăn: 100.000 đồng/người/ngày trong những ngày đi đường (tối đa không quá 03 ngày). b) Cấp 01 (một) bộ quần áo. Mức chi tối đa là 400.000 đồng/bộ. c) Tiền tàu xe: theo giá phương tiện công cộng phổ thông. 5. Mức hỗ trợ thù lao hằng tháng đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người cai nhiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng tại cấp xã theo sự phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: 1.080.000 đồng với mức 01 người được giao nhiệm vụ quản lý không quá 07 người cùng một thời điểm.	Thành, Ngãi Giao, Kim Long, Châu Đức, Bình Giã, Xuân Sơn, Hồ Tràm, Xuyên Mộc, Bình Châu, Hòa Hội, Hòa Hiệp, Bàu Lâm; - Đặc khu Côn Đảo; - Cơ sở cai nghiện ma túy số 6 Công an Thành phố Hồ Chí Minh.